TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LX** TỈNH AG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2020/DS-ST

Ngày: 07/12/2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX, TỈNH AG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Mỹ Hường

2. Bà Nguyễn Thị Tường Vi

- Th 1 ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký - Th 1 ký Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh AG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố LX tham gia phiên toà: Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh AG xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 356/2020/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 374/2020/QĐST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: NHTMCPHHVN

Địa chỉ: Số 54A NCT, phường LT, quận Đ Đ, thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Bửu Q – Chức vụ: Tổng giám đốc NHTMCPHHVN.

Người đại diện theo ủy quyền thứ nhất: Ông Trần Thanh Th, sinh năm 1968; (Vắng mặt)

Địa chỉ: số 248 THĐ, phường MX, thành phố LX, tỉnh AG

Người đại diện theo ủy quyền thứ hai: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tầng 23, Tòa nhà TNR, số 180-192 NCT, phường NTB, quận 1, thành phố HCM. Theo giấy ủy quyền số 2865 ngày 04/6/2020) (Có mặt).

2. Bị đơn:

Ông Dương Văn L, sinh năm 1953;

Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1958.

Cùng cư trú: số 468/28 BH 1, xã MK, thành phố LX, tỉnh AG (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Dương Thanh T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số 468/28 ấp BH 1, xã MK, thành phố LX, tỉnh AG (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3.2. Ông Dương Thanh T, sinh năm 1983 (Có mặt);

3.3. Bà Dương Thị Kim C, sinh năm 1981 (Có mặt);

3.4. Cháu Dương Thanh Ph, sinh năm 2001 (Vắng mặt);

3.5 Cháu Dương Văn H, sinh năm 2003 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: tổ 5, ấp BH 1, xã MK, thành phố LX, tỉnh AG.

(Ông T và bà C giám hộ cho Ph và H).

3.6. Ông Dương Văn Kh, sinh năm 1985;

3.7. Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1986;

3.8. Cháu Dương Thị Mỹ L, sinh năm 2006;

3.9. Cháu Dương Thị Kiều Tr, sinh năm 2012;

Cùng địa chỉ: ấp BH 1, xã MK, thành phố LX, tỉnh AG (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Ông Kh và bà D giám hộ cho L và Tr.

3.10. Bà Dương Thị Ph, sinh năm 1976;

3.11. Ông Lê Hoàng O, sinh năm 1972;

3.12. Bà Lê Mỹ H, sinh năm 1997;

3.13. Cháu Lê Minh Th 1, sinh năm 2003;

3.14. Cháu Lê Hoàng Q, sinh năm 2001;

3.15. Cháu Nguyễn Gia B, sinh năm 2019.

Cùng địa chỉ: ấp BH 1, xã MK, thành phố LX, tỉnh AG (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

(Ông O, bà Ph giám hộ cho Th 1, Th 1. Bà H giám hộ cho B)

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn do ông Nguyễn Văn T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 18 tháng 12 năm 2012, NHTMCPPTMK- Phòng giao dịch Mỹ Bình, nay là NHTMCPHHVN (viết tắt là Ngân hàng) ký hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số (APP ID): 175876/2012/HĐTD-MDB LD: 1235430485 với ông Dương Văn L và bà Nguyễn Thị M. Theo hợp đồng, Ngân hàng cho ông L và bà M vay 90.000.000đ; mục đích: Nuôi heo, nuôi bò; thời hạn vay: 13 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất trong hạn: 16%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất nợ trong hạn, phương thức trả nợ vào cuối kỳ.

Để B đảm cho hợp đồng tín dụng, ông L và bà M ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 175876/2012/BĐ ngày 18/12/2012, tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00257fA do Ủy ban nhân dân thành phố LX, tỉnh AG cấp ngày 04 tháng 08 năm 2005 mang tên ông Dương Văn L và bà Nguyễn Thị M, việc thế chấp tài sản có đăng ký giao dịch B đảm theo quy định pháp luật.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 90.000.000 đồng cho ông L, bà M theo khế ước nhận nợ số LD: 1235430485 ngày 19 tháng 12 năm 2011. Ông Dương Văn L, bà Nguyễn Thị M nhận đã nhận số tiền 90.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng do ông L, bà M vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vốn, lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết nên Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Theo hợp đồng thế chấp và để B đảm thủ tục theo quy định pháp luật nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ vụ án tranh chấp giữa các bên. Kết quả trên phần diện tích đất tranh chấp có phát sinh ông Dương Thanh MK, ông Dương Thanh T, bà Dương Thị Kim C, cháu Dương Thanh Ph, cháu Dương Văn H, ông Dương Văn Kh, bà Nguyễn Thị Mỹ D, cháu Dương Thị Mỹ L, em Dương Thị Kiều Tr, bà Dương Thị Ph, ông Lê Hoàng O, chị Lê Mỹ H, em Lê Minh Th 1, em Lê Hoàng Th 1, em Nguyễn Gia B đang cư trú, sinh sống nên yêu cầu các đương sự có tên nêu trên cùng tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để giải quyết triệt để vụ án nên cần thiết yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để B đảm thi hành án về sau.

Theo tờ tường trình ngày 13 tháng 3 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Dương Văn L, bà Nguyễn Thị M trình bày: Năm 2012, ông bà có thỏa thuận vay số tiền 90.000.000đ của Ngân hàng Th 1ơng mại Cổ phần Phát triển Mê Kông - Phòng giao dịch Mỹ Bình và nay được biết giữa hai ngân hàng có thay đổi và xác lập thành NHTMCPHHVN, mục đích ông bà vay tiền dùng để làm vốn nuôi heo, nuôi bò, phát triển kinh tế gia đình, khi ký tên vay tiền ông bà

đã nhận đủ số tiền 90.000.000đ và trong thời gian chăn nuôi bị thua lỗ nên gia đình gặp nhiều khó khăn, chưa trả tiền nợ vốn, lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nay, ông bà đồng ý trả tiền nợ vốn, yêu cầu trả dần hàng tháng theo khả năng. Riêng tiền nợ lãi yêu cầu Ngân hàng tạo điều kiện giảm số tiền lãi vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có khả năng trả nợ lãi. Đối với tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng thì đồng ý duy trì để đảm B cho Ngân hàng thi hành án thu hồi nợ về sau, không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với việc xem xét, thẩm định tại chỗ phần diện tích nhà, đất đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 175876/2012/BĐ ngày 18/12/2012 giữa vợ chồng ông bà với ngân hàng, thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00257fA, do Ủy ban nhân dân thành phố LX, tỉnh AG cấp ngày 04 tháng 8 năm 2005 cho ông bà; hai bên đã thỏa thuận thống nhất ông L và bà M thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất để vay số tiền 90.000.000đ, việc ký kết đã được đăng ký tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đất thành phố LX, nay là Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh LX. Theo yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để B đảm thi hành án về sau, đối với yêu cầu này của Ngân hàng, ông L và bà M đồng ý tiếp tục duy trì để sau này Ngân hàng phát mãi tài sản thu hồi tiền vốn và lãi theo hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên, hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn nên yêu cầu trả dần số tiền nợ lãi theo khả năng.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án cùng Ngân hàng và đại diện Ủy ban nhân dân xã MK, thành phố LX có đến nhà ông bà thực hiện xem xét, thẩm định tại chỗ và ông bà có trình bày xác định trên phần đất có các căn nhà của các con, cháu của ông bà gồm: ông Dương Thanh MK, ông Dương Thanh T, bà Dương Thị Kim C, cháu Dương Thanh Ph, cháu Dương Văn H, ông Dương Văn Kh, bà Nguyễn Thị Mỹ D, cháu Dương Thị Mỹ L, cháu Dương Thị Kiều Tr, bà Dương Thị Ph, ông Lê Hoàng O, chị Lê Mỹ H, cháu Lê Minh Th 1, cháu Lê Hoàng Th 1, cháu Nguyễn Gia B sinh sống, cư trú có đăng ký hộ khẩu Th 1ờng trú trên phần đất thế chấp. Nay, ngân hàng yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp vì đã có ký kết và đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nếu sau này có phát mãi để thu hồi nợ thì ông bà cùng các con cháu đồng ý thực hiện theo quy định pháp luật, không có ý kiến tranh chấp giữa các bên.

Theo bản khai ngày 05/07/2020 ông L xác định vợ ông là Nguyễn Thị M, sinh năm 1958, con tên là Dương Thanh MK, sinh năm 1987 (con út). Phần diện tích đất thế chấp Ngân hàng, gia đình ông thỏa thuận phân chia cho các con sử dụng nhưng chưa sang tên vì hiện nay tài sản đang thế chấp hàng Ngân hàng. Giữa ông và các đương sự là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh chấp, thống nhất duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để thi hành án về sau.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có ý kiến trình bày:

Theo đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bản khai cùng ngày 05/07/2020 ông Dương Thanh T trình bày: Gia đình ông gồm có Dương Thanh T, bà Dương Thị Kim C (vợ ông T), Dương Thanh Ph, Dương Văn H (con ông T). Cha của ông là

Dương Văn L có cho phần đất có kích Th 1ớc chiều ngang 6m x chiều dài 12m. Nay hoàn cảnh gia đình ông đi làm không đến dự phiên tòa nên yêu cầu vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không đưa ra yêu cầu độc lập đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo bản khai ngày 05/07/2020 bà Dương Thị Ph trình bày: Gia đình bà gồm có ông Lê Hoàng O (chồng bà Ph), Lê Mỹ H, Lê Hoàng Th 1, Lê Minh Th 1 (con bà Ph), Nguyễn Gia B (cháu ngoại bà Ph). Gia đình bà Ph quản lý sử dụng căn nhà năm trên phần diện tích đất có kích Th 1ớc chiều ngang 4m x chiều dài 11m, phần đất do ông L cho bà Ph quản lý sử dụng. Do đi làm ăn xa không đến dự phiên tòa nên yêu cầu vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không đưa ra yêu cầu độc lập đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bản khai cùng ngày 05/07/2020 ông Dương Văn Kh trình bày: Gia đình ông gồm có Dương Văn Kh, bà Nguyễn Thị Mỹ D (vợ ông Kh), Dương Thị Mỹ L, Dương Thị Kiều Tr (con ông Kh). Cha của ông là Dương Văn L có cho phần đất có kích Th 1ớc chiều ngang 6m x chiều dài 12. Nay vì hoàn cảnh gia đình ông đi làm không đến dự phiên tòa nên yêu cầu vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không đưa ra yêu cầu độc lập đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

NHTMCPHHVN do ông Nguyễn Văn T đại diện theo ủy quyền trình bày: Trong quá trình thực hiện hợp đồng và giải quyết vụ án tại Tòa án, ông L và bà M đã trả toàn bộ số tiền nợ vốn 90.000.000đ cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng rút lại một phần yêu cầu về số tiền nợ vốn, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng về số tiền nợ lãi chưa thanh toán tính đến ngày xét xử tiền lãi trong hạn 58.410.633đ, tiền lãi nợ quá hạn 41.395.795đ. Ngân hàng yêu cầu ông L, bà M phải liên đới trách nhiệm trả số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn tổng cộng 99.806.428đ. Do ông L, bà M đã trả tiền nợ vốn, không phát sinh tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn nên số tiền lãi 99.806.428đ là cố định, không phát sinh thêm số tiền lãi. Tuy nhiên, để B đảm cho số tiền lãi được thực hiện Ngân hàng tiếp tục yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 175876/2012/BĐ ngày 18 tháng 12 năm 2012 cho đến khi ông L và bà M trả dứt nợ lãi cho ngân hàng. Ông T đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng cam kết hỗ trợ xem xét giảm số tiền lãi tương đương 50%/số tiền 99.806.428đ để tạo điều kiện trả nợ cho ông L và bà M, nhưng bản thân ông không phải là người quyết định do đó ông L bà M cần liên hệ với Ngân hàng để thực hiện thủ tục xem xét miễn, giảm lãi theo quy định chung của Ngân hàng.

Theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, ông L bà M thống nhất, ông bà đã trả hết số tiền nợ vốn 90.000.000đ cho Ngân hàng, chưa trả hết tiền nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn cho đến nay tính tổng cộng 99.806.428đ. Hiện nay, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân ông L Th 1ờng xuyên bệnh tật, không có khả năng lao động, mọi việc sinh sống trong gia đình phụ thuộc vào các con. Do đó, yêu cầu Ngân hàng miễn, giảm số tiền lãi cho ông bà. Nay tại phiên tòa, ông T đại diện theo ủy quyền cam kết hỗ trợ thực hiện thủ tục để Ngân hàng miễn, giảm số tiền nợ lãi, ông bà đồng ý và yêu cầu trả dần số tiền nợ lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Thanh T, bà Dương Thị Kim C trình bày: Hiện nay ông bà cùng các đương sự là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang cư trú trên phần đất ông L, bà M thế chấp tại Ngân hàng. Nay ông L, bà M không đủ khả năng trả nợ lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng và ông L, bà M thỏa thuận giải quyết. Riêng yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp kèm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có căn nhà của các đương sự là người có liên quan nêu trên, ông Dương Thanh T, bà Kim C đồng ý, không có ý kiến tranh chấp, không yêu cầu đối với Ngân hàng, ông L, bà M, nếu sau này Ngân hàng có phái mãi thu hồi nợ, ông bà chấp hành theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, được biết hoàn cảnh gia đình ông L, bà M khó khăn, bệnh tật nên yêu cầu Ngân hàng tạo điều kiện cho ông bà trả dần số tiền nợ lãi, giảm tiền lãi để trả nợ, ổn định cuộc sống.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX:

Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015**.** Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Trong Hợp đồng do đương sự thỏa thuận khi có tranh chấp thì các bên có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền, do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố LX nên Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục tống đạt: Thực hiện đúng theo quy định tại Điều 171, 175, 177 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Chưa đảm B đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về trường hợp Viện kiểm sát tham gia: Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ xem xét thẩm định tại chỗ thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Th 1 ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Th 1 ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến nay: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông L thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72, 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bà M mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng nhiều lần vắng không có lý do, không tham gia các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà D,

ông O, chị H, bà C chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội D vụ án:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự tại phiên tòa, xét thấy:

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 18/12/2012, ông L, bà M ký hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 175876/2012/HĐTD-MDB LD: 1265430485; Khế ước nhận nợ số LD: 1235430485 vay tiền Ngân hàng 90.000.000 đồng, mục đích: nuôi heo, nuôi bò; thời hạn vay là 13 tháng, lãi suất cho vay: 16%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, phương thức trả nợ: trả vào cuối kỳ của ngày đáo hạn.

Để đảm B khoản vay, ông L, bà M đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 175876/2012/BĐ ngày 18/12/2012. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 7, tại xã MK, thành phố LX theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 857099, ngày 04/8/2005 do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp cho ông L, M. Hợp đồng thế chấp có công chứng và đăng ký thế chấp theo quy định pháp luật. Đến ngày 19/12/2012, Ngân hàng đã giải ngân cho ông L, M số tiền là 90.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông L, bà M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi theo đúng cam kết, thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay, Khế ước nhận nợ đã ký kết. Tại phiên tòa, Ngân hàng rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền vốn gốc, yêu cầu ông L, bà M trả số tiền lãi trong hạn 58.410.633 đồng, lãi quá hạn 41.395.795 đồng và tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 175876/2012/BĐ ngày 18/12/2012.

Nhận thấy, Ngân hàng yêu cầu ông L, bà M phải thực hiện nghĩa vụ trả lãi trong hạn, quá hạn và tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp là có căn cứ và đúng theo quy định tại Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng.

Từ những phân tích trên, căn cứ các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của của Ngân hàng. Buộc ông L, bà M trả số tiền lãi trong hạn 58.410.633 đồng, lãi quá hạn 41.395.795 đồng tạm tính đến ngày 07/12/2020 và tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 175876/2012/BĐ ngày 18/12/2012.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về số tiền vốn gốc 44.899.052 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, các đương sự nguyên đơn do ông Nguyễn Văn T đại diện theo ủy quyền, bị đơn ông Dương Văn L, bà Nguyễn Thị M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Thanh T, bà Dương Thị Kim C có mặt. Riêng đương sự là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 05/7/2020. Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2019 NHTMCPHHVN khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng Th 1ơng mại Cổ phần Phát triển Mê Kông với ông Dương Văn L và bà Nguyễn Thị M. Tuy nhiên, theo hợp đồng tín dụng số 175876/2012/HĐTD-MDB LD: 1235430485 ông L và bà M xác lập hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Th 1ơng mại Cổ phần Phát triển Mê Kông. Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện, ngày 21/07/2015 Ngân hàng Nhà nước quyết định số 1391/QĐ-NHNN sáp nhập Ngân hàng Th 1ơng mại Cổ phần Phát triển Mê Kông vào NHTMCPHHVNDo đó, xác định tư cách khởi kiện nguyên đơn NHTMCPHHVN, bị đơn ông Dương Văn L và bà Nguyễn Thị M. Trong quá trình giải quyết phát sinh người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Tòa án đã thụ lý vụ án bổ sung các ông bà: Ông MK, ông T, bà C, cháu Ph, cháu H (Ph, H do ông Dương Thanh T, bà Kim C giám hộ); ông Kh, bà D, cháu L, cháu Tr (L, Tr do ông Kh, bà D giám hộ); bà Ph, ông O, chị H, cháu Th 1, cháu Th 1 (Th 1, Th 1 do ông O, bà Ph giám hộ), cháu B (B do bà H giám hộ) tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[3] NHTMCPHHVN ủy quyền cho ông Lê Quang Kiên và ông Nguyễn Văn Chung. Theo giấy ủy quyền số số 4997/2019/GUQ-TGĐ12 ngày 09/10/2019. Đến ngày 24 tháng 06 năm 2020, ngân hàng thay thế giấy ủy quyền số 4997/2019/GUQ-TGĐ12 ngày 09/10/2019 và ủy quyền lại cho ông Trần Thanh Th và ông Nguyễn Văn T, theo giấy ủy quyền số 2865 ngày 04/6/2020. Xét nội D việc ủy quyền phù hợp quy định tại Điều 562, Điều 563 Bộ Luật dân sự 2015 nên chấp nhận.

[4] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nội D đơn khởi kiện của NHTMCPHHVN, tranh chấp về số tiền theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số (APP ID): 175876/2012/HĐTD-MDB LD: 1235430485 ngày 18/12/2012, duy trì lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng và duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất. Xét, tranh chấp giữa các bên thuộc giao dịch dân sự có phát sinh lợi nhuận. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có địa chỉ ấp BH 1, xã MK, thành phố LX, tỉnh AG đã được thể hiện theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất. Do đó, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố LX và quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản.

[5] Về nội D vụ án: Xét hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số (APP ID): 175876/2012/HĐTD-MDB LD: 1235430485 ngày 18/12/2012, Khế ước nhận nợ số LD: 1235430485 Kèm theo Hợp đồng tín dụng số 175876 ngày 18/12/2012: Ông Dương Văn L và bà Nguyễn Thị M là người ký tên vay với tư cách là bên vay tiền của NHTMCPHHVNÔng L bà M đã ký nhận đủ số tiền 90.000.000 đồng vào ngày 19 tháng 12 năm 2012. Việc ký kết hợp đồng, giao nhận tiền giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, nội D và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định tại Điều 121, Điều 122, Điều 124 Bộ luật dân sự năm 2005 và phù hợp Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng là phù hợp quy định pháp luật.

[6] Căn cứ theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, sự thừa nhận số tiền nợ vốn, lãi của bị đơn và quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng. Ông L và bà M đã vay số tiền 90.000.000 đồng, đến nay ông bà đã trả đủ số tiền nợ vốn, chưa trả tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn theo thỏa thuận là vi phạm Điều 8 Hợp đồng tín dụng. Nay, Ngân hàng yêu cầu ông L và bà M có nghĩa vụ trả số tiền lãi 99.806.428đđ. Ông L, bà M thừa nhận còn nợ tiền lãi chưa trả cho Ngân hàng. Trong đó, tiền lãi trong hạn 58.410.633đ, tiền lãi nợ quá hạn 41.395.795đ là phù hợp quy định tại Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 nên có cơ sở chấp nhận. Đối với số tiền vốn theo đơn khởi kiện 44.395.975đ, tại phiên tòa Ngân hàng rút lại một phần yêu cầu khởi kiện do bị đơn đã tất toán xong nợ vốn. Xét việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên xem xét chấp nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là phù hợp quy định pháp luật.

[7] Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất: Ngày 18 tháng 12 năm 2012 NHTMCPHHVN ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 175876/2012/BĐ với ông Dương Văn L và bà Nguyễn Thị M. Theo hợp đồng ông L và bà M thế chấp quyền sử dụng đất số H00257fA do Ủy ban nhân dân thành phố LX, tỉnh AG cấp ngày 04 tháng 08 năm 2005 mang tên ông Dương Văn L và bà Nguyễn Thị M đã có đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất quyền sử dụng đất (nay là Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh LX là phù hợp quy định tại Điều 342, Điều 343, Điều 344, Điều 715, Điều 716, Điều 717, Điều 720 và Điều 721 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 175876/2012/BĐ ngày 18 tháng 12 năm 2012 ký kết giữa Ngân hàng Th 1ơng mại Cổ phần Phát triển Mê Kông - Chi nhánh thành phố LX - Phòng giao dịch Mỹ Bình với ông Dương Văn L và bà Nguyễn Thị M có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành, cần duy trì để đảm B thi hành án thu hồi nợ cho Ngân hàng về sau nên được chấp nhận.

[08] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông MK, cháu Ph, ông Thanh T, bà C, cháu H, ông Kh, bà D, cháu L, cháu Tr, bà Ph, ông O, chị H, cháu Th 1, cháu Th 1, cháu B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 05/7/2020. Các đương sự không đưa ra yêu cầu độc lập đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến trình bày của bị đơn nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[09] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận nên trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.409.000đ theo biên lai thu số 0000779, ngày 27/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, tỉnh AG. Buộc bị đơn ông Dương Văn L, bà Nguyễn Thị M phải nộp tiền án phí sơ thẩm 4.990.321đ (làm tròn 4.990.500đ)

[10] Về số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Áp dụng Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự ông Dương Văn L và bà Nguyễn Thị M phải chịu trách nhiệm nộp số tiền 400.000đ để hoàn trả cho Ngân hàng tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Ngân hàng đã nhận lại số tiền 600.000đ theo phiếu chi ngày 07 tháng 12 năm 2020.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 121, Điều 122, Điều 124, Điều 342, Điều 343, Điều 344, Điều 471, Điều 474, Điều 715, Điều 716, Điều 717, Điều 720 và Điều 721 của Bộ luật dân sự 2005;

Điều 562, Điều 563 Bộ luật dân sự 2015;

Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 233, Điều 244, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nghị quyết số 01/2019/NG-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm pháp Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của NHTMCPHHVN đối với ông Dương Văn L, bà Nguyễn Thị M .

Buộc ông Dương Văn L và bà Nguyễn Thị M liên đới trách nhiệm thanh toán cho NHTMCPHHVN số tiền lãi 99.806.428đ (chín mươi chín triệu, tám trăm lẻ sáu ngàn, bốn trăm hai mươi tám đồng). Trong đó, tiền lãi trong hạn 58.410.633đ (năm mươi tám triệu, bốn trăm mười ngàn, sáu trăm ba mươi ba đồng), tiền lãi nợ quá hạn 41.395.795đ (bốn mươi mốt triệu, ba trăm chín mươi lăm ngàn, bảy trăm chín mươi lăm đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của NHTMCPHHVN đối với ông Dương Văn L, bà Nguyễn Thị M đối với số tiền vốn 44.899.052đ (bốn mươi bốn triệu, tám trăm chín mươi chín ngàn, không trăm năm mươi hai đồng).

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 175876/2012/BĐ ngày 18 tháng 12 năm 2012 giữa NHTMCPHHVN - Chi nhánh thành phố LX - Phòng giao dịch Mỹ Bình – Nay là NHTMCPHHVN đối với ông Dương Văn L và bà Nguyễn Thị M. Kèm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00257fA ngày 04 tháng 08 năm 2005, do Ủy ban nhân dân thành phố LX, tỉnh AG cấp mang tên ông Dương Văn L và bà Nguyễn Thị M cho đến khi ông L và M trả hết số tiền nợ lãi cho Ngân hàng.

Kể từ ngày 08 tháng 12 năm 2020 ông Dương Văn L và bà Nguyễn Thị M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí sơ thẩm:

Trả lại cho NHTMCPHHVN số tiền 3.409.000đ (ba triệu, bốn trăm lẻ chín ngàn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000779 ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố LX, tỉnh AG.

Ông Dương Văn L và bà Nguyễn Thị M liên đới trách nhiệm nộp số tiền 4.990.500đ (bốn triệu, chín trăm chín mươi ngàn, năm trăm đồng).

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Ông Dương Văn L và Nguyễn Thị M phải nộp số tiền 400.000đ (bốn trăm ngàn đồng) tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền để hoàn trả lại cho NHTMCPHHVN đã tạm ứng chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

Trả lại cho NHTMCPHHVN số tiền 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng), Ngân hàng đã nhận đủ theo phiếu chi ngày 07 tháng 12 năm 2020.

NHTMCPHHVN, ông Dương Văn L, bà Nguyễn Thị M, ông Dương Thanh T, bà Dương Thị Kim C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng ông MK, ông Kh, bà D, cháu L, cháu Tr, bà Ph, ông O, chị H, cháu Th 1, cháu Th 1, cháu B (do các ông bà có tên nêu trên giam hộ) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND-TPLX;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Phương